

Số: 14 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TRONG TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Thực hiện Quyết định số 67/QĐ-TTr ngày 19/9/2023 của Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thanh tra việc thực hiện quy định trong tự chủ mở ngành đào tạo các trình độ giáo dục đại học và các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo đối với Học Viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây viết tắt là Học viện).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/12/2023 của Trưởng đoàn thanh tra; nội dung giải trình của Học viện tại Văn bản số 173/BC-HVNN ngày 31/01/2024; Văn bản thẩm định Dự thảo Kết luận thanh tra ngày 21/02/2024, Thanh tra Bộ GDĐT kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Quá trình thành lập và phát triển

Học viện Nông nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), tiền thân là Trường Đại học Nông Lâm được thành lập ngày 12/10/1956 là một trong 3 trường đại học đầu tiên của nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”. Cùng với sự phát triển của đất nước, Học viện đã trải qua sáu lần đổi tên, cụ thể là Đại học Nông Lâm (1956 - 1957); Học viện Nông Lâm (1958 - 1963); Trường Đại học Nông nghiệp (1963 - 1967); Trường Đại học Nông nghiệp I (1967 - 2008); Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (2008 - 2014); Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2014 đến nay).

Địa chỉ trụ sở của Học viện tại Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Ngoài trụ sở chính, Học viện có hơn 44.290m² đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp tại Sapa để phục vụ cho công tác nghiên cứu theo vùng và môi trường khí hậu.

2. Cơ cấu tổ chức

Tính đến tháng 9 năm 2023, Học viện hiện có 14 khoa (13 khoa chuyên môn); 16 đơn vị chức năng; 23 viện/trung tâm nghiên cứu, đào tạo và 02 công ty. Các khoa được tổ chức thành các bộ môn chuyên môn và có Hội đồng Khoa. Cơ cấu tổ chức của Học viện thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển.

3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên

Tổng số viên chức và người lao động của Học viện (tính đến tháng 9 năm

2023) là 1.272 người, bao gồm 12 giáo sư, 77 phó giáo sư, 360 tiến sĩ, 478 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 99,5%.

4. Số lượng ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy mô sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh

Năm 2023, Học viện tuyển sinh 43 ngành đào tạo trình độ đại học, 17 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 15 ngành đào tạo tiến sĩ.

Quy mô đào tạo của Học viện tính đến 30/8/2023 gồm 123 nghiên cứu sinh, 825 học viên cao học và 24.090 sinh viên đại học trong đó có 23.902 sinh viên đại học chính quy, 21 sinh viên liên thông đại học chính quy và 167 sinh viên vừa làm vừa học.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Hội đồng Học viện

- Hội đồng Học viện (HĐHV) khóa I, nhiệm kỳ 2015-2021 gồm 25 thành viên, được thành lập theo Quyết định số 2580/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/7/2015 và Quyết định số 925/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. Chủ tịch HĐHV là ông Trần Đức Viên, được Bộ trưởng Bộ NN&PTNT phê chuẩn theo Quyết định số 3963/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/10/2015.

- Việc thành lập HĐHV khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026: HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 đã họp ngày 22/3/2021 để thực hiện công tác bầu các chức danh của Hội đồng.

Học viện có Công văn số 469/HVN-TCCB ngày 22/3/2021 gửi Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về kết quả bầu nhân sự, công nhận Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐHV trong đó có nội dung về độ tuổi của Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐHV. Trên cơ sở ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ¹, Bộ NN&PTNT đã có Công văn số 2074/BNN-TCCB ngày 09/4/2021 đề nghị Học viện triển khai quy trình giới thiệu nhân sự đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Chủ tịch HĐHV.

- Ngày 22/3/2021, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quyết định số 1172/QĐ-BNN-TCCB về việc công nhận danh sách HĐHV Khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026 với 21 thành viên. Đến tháng 6/2023, số lượng thành viên HĐHV là 20 người², là số chẵn nên chưa bảo đảm quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 16

¹ Ngày 29/3/2021, Bộ NN&PTNT đã có Công văn số 1782/BNN-TCCB gửi Thủ tướng Chính phủ, trong đó đề nghị cho ý kiến về việc công nhận Chủ tịch HĐHV. Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 2388/VPCP-KGVX ngày 05/4/2021 về ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam: Bộ NN&PTNT thực hiện đúng theo quy định của Đảng và quy định pháp luật về tiêu chuẩn của Chủ tịch HĐHV (trong đó có tiêu chuẩn về tuổi).

² Số thành viên HĐHV là đại diện của cộng đồng xã hội còn 06 người do ông Nguyễn Ngọc Bảo, Chủ tịch Liên minh HTXVN thôi thành viên HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 theo Quyết định số 2548/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/6/2023 của Bộ NN&PTNT.

Luật Giáo dục đại học (đã sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, sau đây sử dụng, trích dẫn trong Kết luận thanh tra là Luật Giáo dục đại học).

Tại Điều 2 Quyết định số 1172/QĐ-BNN-TCCB quy định: Trong thời gian tiến hành thủ tục bầu Chủ tịch HĐHV và Phó Chủ tịch HĐHV, Chủ tịch HĐHV khóa I nhiệm kỳ 2016-2021 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ điều hành HĐHV cho đến khi Bộ công nhận Chủ tịch HĐHV khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Về nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026: HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 đã triển khai quy trình, thủ tục bầu Phó chủ tịch HĐHV. Căn cứ các văn bản của Đảng ủy Học viện, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội và Bộ NN&PTNT, HĐHV đã bầu và quyết định bổ nhiệm ông Vũ Ngọc Huyền thành viên HĐHV làm Phó Chủ tịch HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026. Ngày 02/3/2023, tại Quyết định số 756/QĐ-BNN-TCCB, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã giao ông Vũ Ngọc Huyền phụ trách HĐHV khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026.

Từ thời điểm Bộ trưởng Bộ NN&PTNT công nhận HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 (tháng 3/2021) đến thời điểm thanh tra, HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 từ 3/2021 đến 02/2023 do Chủ tịch HĐHV khóa I nhiệm kỳ 2016-2021 điều hành và từ 3/2023 đến nay, do Phó Chủ tịch HĐHV phụ trách thực hiện.

- Chủ tịch HĐHV nhiệm kỳ 2016-2021 đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-HĐHV ngày 31/12/2015 về Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐHV.

2. Đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học

- Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục: Năm 2017, Học viện đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá chất lượng cấp Học viện lần thứ nhất theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng vào tháng 9/2017. Ngày 28/2/2023, Học viện đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục lần 2, Chứng nhận có giá trị đến ngày 28/2/2028.

- Kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo: Học viện đã kiểm định thành công 10 chương trình đào tạo trình độ đại học theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng

3.1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính

- Giai đoạn từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2022, HĐHV đã ban hành: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 42/HĐHV-QN ngày

12/10/2020 và Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22/11/2021³. Nghị quyết số 5698/NQ-HĐHV ngày 16/11/2021 ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2050.

- Tổ chức thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện: HĐHV ban hành các nghị quyết về thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị của Học viện; quyết định về cơ cấu tổ chức; thành lập/sáp nhập/giải thể... các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện. Giám đốc Học viện ban hành Quyết định số 3136/QĐ-HVN ngày 10/11/2015 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị của Học viện; các đơn vị triển khai thực hiện theo nghị quyết của HĐHV và quyết định của Giám đốc và các quy định khác có liên quan theo điều kiện thực tế của Học viện. Từ 01/2020-12/2022, Học viện đã thành lập mới 07 đơn vị và sáp nhập 01 đơn vị⁴.

HĐHV ban hành Nghị quyết số 06/HĐHN-QN ngày 17/5/2016 về vị trí việc làm và số người làm việc tại các đơn vị trong Học viện, quy định tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí. Căn cứ Nghị quyết số 06/HĐHV, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định số 3446/QĐ-HVN ngày 28/10/2016 giao vị trí việc làm và số người làm việc tại các đơn vị. Cơ cấu lao động của Học viện được xác định trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 với tỷ lệ 71% đến 73,5% viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trên tổng số lượng viên chức và người lao động; bảo đảm cơ cấu ít nhất 65% viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trên tổng số lượng viên chức và người lao động theo quy định tại khoản 3 mục III Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017.

HĐHV ban hành các nghị quyết về công tác tổ chức nhân sự, bổ nhiệm lãnh đạo Học viện; thực hiện bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý (trừ Giám đốc và Chủ tịch HĐHV): Từ 01/2020-12/2022, Học viện thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm mới đối với 02 Phó Giám đốc Học viện và bổ nhiệm lại đối với 03 Phó Giám đốc Học viện; bổ nhiệm các chức danh Trưởng, Phó đơn vị chức năng, Khoa, viện, trung tâm đối với 82 lượt người và cho thôi chức vụ 35 lượt người.

Thực hiện tuyển dụng viên chức, ký hợp đồng lao động đối với 40 người; thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với 110 trường hợp; thực hiện kéo dài thời gian công tác đối với giảng viên đủ tuổi nghỉ hưu đối với 25 trường hợp theo quy định của Học viện và pháp luật.

- HĐHV ban hành Quy chế tài chính của Học viện tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐHV ngày 15/01/2022.

³ Nghị quyết này có căn cứ ban hành là Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của HVNNVN.

⁴ Trung tâm Đổi mới sáng tạo nông nghiệp; Viện Sinh vật cảnh; Viện Nghiên cứu và Phát triển cây dược liệu; Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm; Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu; Khoa Tài nguyên và Môi trường (tổ chức lại Khoa Quản lý đất đai và Khoa Môi trường); Khoa Du lịch và Ngoại ngữ (trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ và sắp xếp nhân sự từ các bộ môn trong Học viện); sáp nhập nguyên trạng Trung tâm Chuyên gia vào Trung tâm Đổi mới sáng tạo nông nghiệp.

- Tổ chức thực hiện Quy chế tài chính của Học viện: Xây dựng và HĐHV xem xét thông qua mức thu học phí năm học 2023-2024 kèm theo khung định mức KTKT để làm cơ sở để xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ giáo dục, đào tạo khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/08/2019 của Bộ GDĐT.

Trên cơ sở quyết nghị của HĐHV, Giám đốc Học viện đã ban hành quyết định về mức thu học phí theo từng năm học. Theo quy định của Chính phủ, học phí trong các năm học 2021-2022 và 2022-2023 được giữ nguyên như năm 2020-2021 (trong 03 năm học vừa qua không tăng học phí).

Quyết định các vấn đề về tài chính, tài sản: Giám đốc Học viện ban hành Quy định quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 489/QĐ-HVN ngày 02/3/2018; rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy định quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ để bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

Thực hiện chính sách học bổng cho sinh viên: Hằng năm, thực hiện quy định trích tối thiểu 8,0% học phí để chi học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên. Việc xét tiêu chuẩn, tiêu chí để cấp học bổng khuyến khích học tập được thực hiện đúng quy định, bảo đảm tính minh bạch, công khai. Học viện còn kết nối với các tổ chức, cá nhân để tạo nguồn, tạo cơ hội để sinh viên nhận được các loại học bổng khác.

Học viện đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt Danh mục tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại Quyết định số 3425/QĐ-BNN-TC ngày 28/8/2018; phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại Quyết định số 4678/QĐ-BNN-TC ngày 02/12/2022.

Học viện đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; quản lý đất đai và công sở; quy định về quản lý tài sản; Quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

Thực hiện công khai tài chính, tài sản; quyết toán tài chính và thực hiện kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra theo quy định.

3.2. Quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng

- Học viện đã ban hành Quyết định số 592/QĐ-HVN ngày 27/01/2022 quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục; đã thành lập đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng là Trung tâm Bảo đảm chất lượng, Hội đồng Bảo đảm chất lượng Học viện và tổ Bảo đảm chất lượng tại các đơn vị; quy định về điều kiện, trình tự, các bước thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

- Học viện đã ban hành Sổ tay Bảo đảm chất lượng Học viện vào năm 2021

trong đó nêu rõ 7 chính sách chất lượng⁵; triển khai hoạt động để thực hiện các chính sách chất lượng. Lập kế hoạch công tác bảo đảm chất lượng hằng năm, trong đó quy định rõ về nội dung hoạt động, đơn vị, thời gian, kết quả thực hiện và danh sách các chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài trong năm.

4. Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, Giám đốc Học viện ban hành Quy chế làm việc của Học viện tại Quyết định số 4860/QĐ-HVN ngày 23/12/2019. Quy chế làm việc của Học viện đã quy định nguyên tắc làm việc; trách nhiệm, phạm vi cách thức giải quyết công việc của Giám đốc, Phó Giám đốc, trưởng, phó các đơn vị, khoa, viện, trung tâm...; của viên chức và quan hệ công tác, chương trình công tác, chế độ thông tin, báo cáo, kỷ luật lao động...

- HĐHV ban hành quy chế làm việc của HĐHV, Giám đốc Học viện ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám đốc Học viện.

- HĐHV ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐHV ngày 15/01/2022 về Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện.

- Trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện từng thời điểm, Học viện đã xây dựng và ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và các văn bản nội bộ về tổ chức, nhân sự, quy chế, chế độ làm việc, quản lý tài chính của Học viện; đăng tải trên website của Học viện. Một số văn bản được ban hành trong giai đoạn 2014-2017 và đang triển khai rà soát sửa đổi, bổ sung. Các đơn vị được phân cấp, phân quyền trong từng lĩnh vực/nhiệm vụ cụ thể, các cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo chức trách được giao và chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật, trước Học viện và giải trình về các lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

- Việc thực hiện giám sát và báo cáo kết quả giám sát; đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Chủ tịch HĐHV:

+ HĐHV phân công các thành viên trong Hội đồng, Thường trực Hội đồng tham gia vào các hoạt động của Học viện để giám sát, hỗ trợ Học viện trong các hoạt động, bảo đảm quy định.

+ Bộ NN&PTNT đã có đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hằng năm đối với Chủ tịch HĐHV, Giám đốc Học viện. Năm 2018, Học viện đã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ 2016-2021 đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Học viện (*thời điểm này không thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng*).

⁵ Lấy sinh viên làm trung tâm; Bảo đảm chất lượng là cam kết của lãnh đạo; Sự tham gia của mọi người; Tiếp cận theo quá trình; Quản lý theo hệ thống; Cải tiến liên tục; Các tiếp cận biện chứng trong việc ra quyết định.

5. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật

- Học viện thực hiện công khai cam kết chất lượng đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017. Báo cáo công khai năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, Đề án tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022 được đăng tải công khai trên website của Học viện tại địa chỉ: <https://vnua.edu.vn/3-cong-khai>. Kết quả công khai của năm học được báo cáo tại Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức hằng năm.

- Công khai thông tin về tỷ lệ sinh viên có việc làm trong Báo cáo công khai năm học⁶. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ sinh viên có việc làm trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp đạt 96,59% (2020), 96,72% (2021), 97,36% (2022)⁷.

- Hằng năm, Học viện chịu sự giám sát, phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước của Bộ NN&PTNT.

II. VIỆC TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Số lượng ngành tự chủ mở

- Học viện tự chủ mở 03 ngành đào tạo trình độ đại học gồm: Ngành Công nghệ sinh dược (Quyết định số 4738/QĐ-HVN ngày 11/12/2020, Học viện xác định mã ngành là 7420215); ngành Kinh tế số (Quyết định số 4740/QĐ-HVN ngày 11/12/2020, Học viện xác định mã ngành là 7310112); ngành Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (Quyết định số 4739/QĐ-HVN ngày 11/12/2020, Học viện xác định mã ngành là 7480112).

- Cả 03 ngành được mở đều là các ngành chưa có trong Danh mục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Việc mở ngành đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo được thực hiện bảo đảm quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

2. Về điều kiện đội ngũ giảng viên cơ hữu

- Tại thời điểm mở ngành, Học viện bảo đảm quy định số lượng giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với 03 ngành đã mở.

⁶ Học viện đã công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm trên website của Học viện, facebook của Học viện, đề án tuyển sinh của Học viện, ấn phẩm truyền thông như: slide giới thiệu về Học viện (trình bày trước lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, lãnh đạo, giáo viên, học sinh trường THPT, sinh viên Học viện); Pano tuyển sinh năm 2023 (treo tại khuôn viên Học viện, khuôn viên các trường THPT, trưng bày trong các chương trình tư vấn hướng nghiệp của Báo tuổi trẻ, sở giáo dục và đào tạo các tỉnh); tờ rơi thông tin tuyển sinh (dành tặng học sinh THPT tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp, hội thảo hành trình khởi nghiệp từ trung học phổ thông).

⁷ Giai đoạn 2020-2022, Học viện tổ chức khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019, 2020 và 2021. Kết thúc đợt khảo sát, Học viện đã gửi danh sách sinh viên tốt nghiệp, danh sách sinh viên phản hồi về tình hình việc làm và báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm đến Bộ GDĐT.

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện được công bố công khai trên trang Thông tin điện tử của Học viện. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện đã xem xét, đánh giá đội ngũ giảng viên đáp ứng điều kiện về giảng viên để mở ngành.

3. Cơ sở vật chất

- Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện đã có báo cáo đánh giá về việc bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Riêng đối với ngành Kinh tế số: Ngoài các phòng học đều có máy chiếu đa năng, 10 phòng học tin học, còn có 17 phòng thí nghiệm với đủ thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; các cơ sở thực hành, thực tập, thư viện của Học viện, thư viện của Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn; trang thông tin điện tử của Học viện bảo đảm phục vụ nhiệm vụ đào tạo ngành mới mở.

4. Chương trình đào tạo

- Học viện đã thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; thành lập Hội đồng thẩm định điều kiện bảo đảm chất lượng và chương trình đào tạo trình độ đại học (Quyết định số 4231/QĐ-HVN ngày 11/01/2020 đối với ngành Công nghệ sinh dược, Quyết định số 4231/QĐ-HVN ngày 11/11/2020 đối với ngành Kinh tế số và ngành Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo), bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Chương trình đào tạo các ngành Công nghệ sinh dược, Kinh tế số, Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo được Hội đồng thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Giám đốc Học viện ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

III. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về chương trình đào tạo

- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật về tự chủ mở ngành đào tạo, Giám đốc Học viện đã ban hành các quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo theo các quy định của Bộ GDĐT⁸. Rà soát, cập nhật, bổ sung và ban hành các quy định mới để kịp thời điều chỉnh hoạt động tổ chức đào tạo trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo theo quy định. Đến năm 2020 tất cả các chương trình đào tạo đại học và sau đại học được chỉnh sửa, xây dựng mới theo định hướng hàn lâm (academic tract).

⁸ Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31/12/2015 về việc mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo (theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT); Quyết định số 3631/QĐ-HVN ngày 01/10/2020 (theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT); Quyết định số 7015/QĐ-HVN ngày 09/12/2022 về việc ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT).

Hằng năm, Học viện thực hiện đánh giá, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật⁹ đối với 43 ngành trình độ đại học theo quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Nghị định số 99/2019/NĐ-CP); 17 ngành trình độ thạc sĩ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT; 15 ngành trình độ tiến sĩ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT.

43 chương trình đào tạo trình độ đại học có khối lượng học tập tối thiểu từ 126 tín chỉ đến 161 tín chỉ, đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

17 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có khối lượng học tập tối thiểu là 60 tín chỉ, đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

15 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu là 90 tín chỉ đối với người có trình độ thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành, đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

Việc tổ chức thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học (hoạt động kiểm định) được thực hiện theo chu trình Plan - Do - Check - Act (PDCA) với quy trình được thực hiện tuân theo đúng quy định của Học viện và Bộ GDĐT.

2. Cơ sở vật chất

Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của tính chung của toàn Học viện về chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học.

3. Về Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu cơ hữu bảo đảm ngành đào tạo

3.1. Trình độ đại học

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT về yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy

⁹ Trình độ Đại học: 3170/QĐ-HVN ngày 02/08/2017, 2693/QĐ-HVN ngày 25/07/2019, 2201/QĐ-HVN ngày 29/06/2020, 3666/QĐ-HVN ngày 22/07/2021, 5133/QĐ-HVN ngày 12/09/2022, 4956/QĐ-HVN ngày 05/09/2023, 1907/QĐ-HVN ngày 02/07/2018. Trình độ Thạc sĩ: Quyết định số 5201/QĐ-HVN ngày 28/10/2021, Quyết định số 148/QĐ-HVN ngày 10/01/2022 của Giám đốc Học viện. Trình độ Tiến sĩ: 6367/QĐ-HVN ngày 15/12/2021.

chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

- Các giảng viên đều là giảng viên cơ hữu, trong độ tuổi lao động.
- Các giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì ngành đào tạo có quyết định công nhận Giáo sư hoặc Phó Giáo sư hoặc bằng Tiến sĩ không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo, giảng dạy đại học tối thiểu 3 năm.

- Hội đồng các Khoa chuyên môn đã họp và có Kết luận về sự phù hợp đối với các ngành đào tạo. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện đã họp và nhất trí với kết quả rà soát của Hội đồng các Khoa chuyên môn về duy trì ngành đào tạo 43 ngành đào tạo đại học.

- 05/43 ngành đào tạo¹⁰ có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học trình độ đại học, chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022. Học viện tự xác định mỗi ngành có 01 Tiến sĩ/Giáo sư có chuyên môn phù hợp, có các công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo, là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các ngành khác; có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu 03 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Ngành Quản lý kinh tế chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học trình độ đại học nhưng có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (sửa mã ngành, mã ngành cũ là 8340410, mã ngành mới là 8310110), tiến sĩ (sửa mã ngành, mã ngành cũ là 9340410, mã ngành mới là 9310110) ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022. Học viện tự xác định có 01 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp, có các công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo, là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các ngành khác; có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu 03 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- 09/43 ngành đào tạo¹¹ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022. Học viện tự xác định mỗi ngành có 01 Tiến sĩ/Phó Giáo sư/Giáo sư có chuyên môn phù hợp, có các công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo, là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các ngành khác; có kinh nghiệm quản lý đào tạo

¹⁰ Sư phạm công nghệ, Kinh tế số, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Thương mại điện tử

¹¹ Kinh tế tài chính, Quản lý và phát triển du lịch, Nông nghiệp công nghệ cao, Quản lý bất động sản, Công nghệ sinh dược, Chăn nuôi thú y, Công nghệ và kinh doanh thực phẩm, Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, Quản lý và phát triển nguồn nhân lực.

hoặc giảng dạy đại học tối thiểu 03 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- 27/43 ngành đào tạo có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022, trong đó có 13 ngành¹² có giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành có bằng Tiến sĩ đúng ngành với ngành đào tạo trình độ đại học; 14 ngành¹³ có giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành có bằng Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp hoặc bằng Tiến sĩ không ghi ngành đào tạo. Học viện tự xác định mỗi ngành có 01 Tiến sĩ/Phó Giáo sư/Giáo sư có chuyên môn phù hợp (có ít nhất 02 công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo trong thời gian 5 năm gần nhất), là giảng viên cơ hữu, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu 03 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Ngành Luật có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022; có 01 Tiến sĩ ngành Luật học là giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy chương trình gồm 05 tiến sĩ (trong đó có 01 Tiến sĩ ngành Luật học, chuyên ngành Luật Kinh tế) và 05 Thạc sĩ ngành Luật. Đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Luật đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT nhưng chưa bảo đảm quy định *có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật* tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

- Học viện đã thực hiện phân công giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy chương trình, mỗi học phần có tối thiểu 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021.

Như vậy, Học viện có 43/43 ngành đào tạo trình độ đại học bảo đảm điều kiện về đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù bậc 7 theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021. Đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Luật đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT nhưng chưa bảo đảm quy định *có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật* tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT¹⁴.

¹² Ngôn ngữ Anh, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Khoa học môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế nông nghiệp, Công nghệ sinh học, Khoa học đất, Chăn nuôi, Kỹ thuật điện, Thú y, Kế toán.

¹³ Kinh tế đầu tư, Xã hội học, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Công nghệ thông tin, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Công nghệ thực phẩm, Nuôi trồng thủy sản, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Tài chính – Ngân hàng, Bệnh học thủy sản.

¹⁴ Theo báo cáo, Học viện đã chủ động tuyển dụng giảng viên theo quy định theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT (đã đăng thông tin tuyển dụng 3 lần) nhưng đến thời điểm xây dựng kết luận thanh tra vẫn chưa tuyển dụng được 01 tiến sĩ đào tạo trong lĩnh vực pháp luật, nhưng đã tuyển thêm 02 thạc sĩ Luật (ký hợp đồng làm việc từ T2/2024).

3.2. Trình độ thạc sĩ

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy 17 chương trình thạc sĩ, kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

- Các giảng viên đều là giảng viên cơ hữu, trong độ tuổi lao động.
- Các giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì ngành không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo, giảng dạy đại học tối thiểu 3 năm trở lên.
- Học viện đã thực hiện phân công giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình.
- Hội đồng các Khoa chuyên môn đã họp và có kết luận về sự phù hợp đối với các ngành đào tạo. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện đã họp và nhất trí với kết quả rà soát của Hội đồng các Khoa chuyên môn về duy trì ngành đào tạo 17 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
- 10/17 ngành¹⁵ bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; 06/17 ngành¹⁶ có đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện mỗi chương trình đào tạo là Phó Giáo sư có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo. Học viện tự xác định mỗi ngành có 01 Phó Giáo sư (có các công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo); 01 ngành đào tạo (Chăn nuôi - Thú y) chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022, Học viện tự xác định có 01 Phó Giáo sư có chuyên môn phù hợp (có các công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo) là giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.
- 17/17 ngành đào tạo bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.
- Có đủ số lượng người hướng dẫn và tên đề tài luận văn thạc sĩ cho học viên năm 2022, bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT.

¹⁵ Quản trị kinh doanh, Kinh tế Nông nghiệp, Quản lý kinh tế, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Chăn nuôi, Khoa học đất, Thú y, Kế toán.

¹⁶ Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Di truyền và chọn giống cây trồng.

Như vậy, Học viện có 17/17 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ bảo đảm điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình thạc sĩ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

3.3. Trình độ tiến sĩ

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT về yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ, kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

- Các giảng viên đều là giảng viên cơ hữu, trong độ tuổi lao động.
- Các giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì ngành không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo, giảng dạy đại học tối thiểu 3 năm trở lên.
- Học viện đã thực hiện phân công giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo.
- Hội đồng các Khoa chuyên môn đã họp và có kết luận về sự phù hợp đối với các ngành đào tạo. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện đã họp và nhất trí với kết quả rà soát của Hội đồng các Khoa chuyên môn về duy trì ngành đào tạo 15 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu cơ hữu của các ngành đáp ứng điều kiện bảo đảm ngành đã mở theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.
- Có đủ số lượng người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh năm 2022 bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; điểm c, khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

Như vậy, Học viện có 15/15 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ bảo đảm điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT.

C. KẾT LUẬN

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về điều kiện thực hiện quyền tự chủ trong mở ngành đào tạo

- Đã thành lập HĐHV khóa I, nhiệm kỳ 2015-2021 gồm 25 thành viên và thành lập HĐHV khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 21 thành viên.
- Đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học lần thứ nhất (tháng 9/2017) và lần thứ 2 (tháng 02/2023); đã công khai kết quả kiểm định gồm Giấy chứng

nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và các chương trình được kiểm định đạt tiêu chuẩn chất lượng trên website của Học viện. Kiểm định chất lượng 10 chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA.

- Đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, có các chính sách bảo đảm chất lượng.

- Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, Quy chế làm việc và các quy chế, quy định nội bộ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện; về tổ chức, nhân sự, quy chế, chế độ làm việc, quản lý tài chính của Học viện. Các đơn vị được phân cấp, phân quyền trong từng lĩnh vực/nhiệm vụ cụ thể, các cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo chức trách được giao và chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật, trước Học viện và giải trình về các lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

- Đã thực hiện việc công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tự chủ mở ngành trình độ đại học

- Trong thời kỳ thanh tra, từ năm 2020 đến 31/12/2022, Học viện đã tự chủ mở 03 ngành trình độ đại học. Các ngành tự chủ mở đều có Nghị quyết của Hội đồng Học viện hoặc có trong Kế hoạch chiến lược của Học viện giai đoạn 2016-2020. Đối với ngành dự kiến mở chưa có trong Danh mục đào tạo tại thời điểm mở ngành, Đề án mở ngành đã làm rõ luận cứ khoa học, nhu cầu của xã hội về ngành mới này; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới kèm theo ít nhất 02 (hai) chương trình đào tạo tham khảo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng hoặc cho phép thực hiện và cấp văn bằng.

- Trình tự mở ngành được Học viện thực hiện gồm 10 bước, bảo đảm Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu cơ hữu đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình bảo đảm điều kiện tổ chức giảng dạy ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Các ngành tự chủ mở đã được Học viện thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định điều kiện bảo đảm chất lượng và chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đáp ứng khoản 4 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

- Việc xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

3. Về các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo

- Đến thời điểm thanh tra Học viện đang đào tạo 43 ngành đào tạo trình độ đại học, 17 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 15 ngành đào tạo tiến sĩ; Học viện có 12 giáo sư, 77 phó giáo sư, 360 tiến sĩ, 478 thạc sĩ, đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu cơ bản đảm bảo điều kiện đảm bảo ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

- Học viện đã phân công giảng viên có chuyên môn phù hợp để tham gia giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo các trình độ.

- Có đủ số lượng người hướng dẫn luận văn bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Có đủ người hướng dẫn NCS bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Học viện có cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo, thư viện kết nối điện tử đến tất cả các khoa với hàng nghìn tài liệu số hóa phục vụ giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên toàn Học viện.

II. HẠN CHẾ, THIẾU SÓT

1. Về điều kiện thực hiện quyền tự chủ

- Từ thời điểm tháng 6/2023, HĐHV Khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026 có 20 thành viên, là số chẵn nên chưa bảo đảm quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục đại học.

- Việc giao Chủ tịch HĐHV khóa I nhiệm kỳ 2016-2021 điều hành HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026 từ 3/2021 đến 02/2023 (Quyết định số 1172/QĐ-BNN-TCCB) và giao ông Vũ Ngọc Huyền phụ trách, điều hành HĐHV khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026 từ 02/3/2023 đến nay (Quyết định số 756/QĐ-BNN-TCCB) là chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 4, 5 Điều 16 Luật Giáo dục đại học và Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 42/HĐHV-QN ngày 12/10/2020 và Nghị quyết số

5813/NQ-HĐHV ngày 22/11/2021 ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện có căn cứ ban hành là *Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện NNVN*. Điều này chưa phù hợp với quy định về quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học và thẩm quyền của HĐHV theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 16 Luật Giáo dục đại học.

- Trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện từng thời điểm, Học viện đã xây dựng và ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc; văn bản nội bộ về tổ chức, nhân sự, quy chế, chế độ làm việc, quản lý tài chính... Tuy nhiên, một số văn bản được ban hành trong giai đoạn 2014-2017 và đang triển khai rà soát sửa đổi, bổ sung trong nhiệm kỳ của HĐHV 2021-2026 theo Quyết định số 4377/QĐ-HVN ngày 04/8/2023 của Giám đốc Học viện.

Trách nhiệm để xảy ra hạn chế, thiếu sót trên thuộc về HĐHV, Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện phụ trách công tác tổ chức cán bộ và các cá nhân có liên quan.

2. Về các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo

Đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Luật đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT nhưng chưa bảo đảm quy định *có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật* tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

Trách nhiệm để xảy ra thiếu sót trên thuộc về Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn và các bộ phận quản lý tổ chức đào tạo ngành.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. ĐỐI VỚI HỌC VIỆN

1. Về điều kiện thực hiện quyền tự chủ trong mở ngành đào tạo

- Tiếp tục củng cố, phát triển các kết quả đạt được về bảo đảm các điều kiện tự chủ và thực hiện quyền tự chủ của Học viện, trong đó có việc thực hiện cơ chế giám sát trên cơ sở Quy chế phối hợp công tác của Đảng ủy - Hội đồng Học viện - Giám đốc Học viện; thực hiện tốt các điều kiện tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn; việc đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học, thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học; cơ bản bảo đảm các điều kiện tự chủ trong tổ chức và nhân sự, tự chủ trong tài chính và tài sản... và nhiều chính sách sử dụng, phát triển đội ngũ; khuyến khích bảo đảm chất lượng đào tạo, phát triển khoa học công nghệ và thực hiện tự chủ tài chính khác.

- Khẩn trương kiện toàn chức danh Chủ tịch HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026, bảo đảm đúng quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Giáo dục đại học; quy định về quy trình, thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên khác của

hội đồng trường... tại Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Khẩn trương rà soát, kiện toàn số lượng thành viên HĐHV để bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục đại học.

- Khẩn trương triển khai *Quyết định số 4377/QĐ-HVN ngày 04/8/2023 của Giám đốc Học viện ban hành Chương trình xây dựng quy chế, quy định, quy trình* cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản trị Học viện của HĐHV nhiệm kỳ 2021-2026. Đối với Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ cần cập nhật các quy định hiện hành của Chính phủ về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021; về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023).

- Tiếp tục nghiên cứu Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 để xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm,... báo cáo Bộ NN&PTNT quyết định giao quyền tự chủ tài chính và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật, trong đó có việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định mức thu học phí và giá các dịch vụ giáo dục, đào tạo khác theo quy định hiện hành.

2. Về các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo

- Rà soát, bổ sung đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Luật trình độ đại học, bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030".

- Rà soát và quy định lại mã ngành đào tạo Kinh tế tài chính¹⁷ trình độ đại học, bảo đảm phù hợp với Danh mục thống kê ngành đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.

3. Rút kinh nghiệm và xem xét trách nhiệm

- Tổ chức rút kinh nghiệm, xem xét trách nhiệm theo thẩm quyền hoặc đề xuất người có thẩm quyền rút kinh nghiệm, xem xét trách nhiệm đối với các tập thể và cá nhân trong việc để xảy ra hạn chế, thiếu sót nêu tại Kết luận thanh tra.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, trong đó ghi rõ lộ trình, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót nêu tại Kết luận thanh tra. Báo cáo kết quả khắc phục và việc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra về Bộ GDĐT (qua Thanh tra và Vụ Giáo dục Đại học) sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

¹⁷ Mã ngành do Học viện xác định đang trùng với mã ngành Kinh tế số quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT.

II. ĐỐI VỚI BỘ TRƯỞNG BỘ NN&PTNN

1. Chỉ đạo các đơn vị tham mưu về công tác tổ chức nhân sự, Học viện và các cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ thực hiện đúng quy định về tự chủ giáo dục đại học; các quy định về thành lập và thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của hội đồng trường theo quy định tại Điều 16 Luật Giáo dục đại học, Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định.

2. Chỉ đạo đơn vị tham mưu xem xét hiệu lực pháp lý của *Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện NN&PTNT* để bảo đảm phù hợp với quy định về quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học và thẩm quyền của HĐHV theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 16 Luật Giáo dục đại học.

III. ĐỐI VỚI BỘ TRƯỞNG BỘ GDĐT

1. Giao Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị

- Rà soát, nghiên cứu thực tiễn triển khai thực hiện việc thành lập hội đồng trường các cơ sở giáo dục đại học công lập để đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, trong đó quy định rõ thời hạn phải thực hiện thủ tục thay thế chủ tịch, thành viên hội đồng trường quy định tại khoản 2 Điều 7.

- Tăng cường kiểm tra việc thành lập và bảo đảm các điều kiện thành lập, tổ chức và hoạt động của hội đồng trường các cơ sở giáo dục đại học công lập. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, tham mưu Bộ trưởng kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc thực hiện nghiêm các quy định của Đảng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP có nội dung về hội đồng trường.

2. Giao Vụ Giáo dục Đại học

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ GDĐT hướng dẫn, kiểm tra Học viện và các cơ sở giáo dục đại học khác thực hiện việc tự chủ mở ngành, bảo đảm ngành đào tạo bảo đảm đúng quy định; kịp thời phát hiện các hạn chế, thiếu sót, vi phạm của các đơn vị trong thực hiện tự chủ đại học để tham mưu lãnh đạo Bộ GDĐT xử lý, chấn chỉnh trong hoạt động quản lý cơ sở giáo dục đại học.

- Nghiên cứu, tham mưu Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT để làm rõ quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 10: “*Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy*” và để thống nhất với quy định “*có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật*” tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đồng thời, nghiên cứu đưa các quy định điều kiện về đội ngũ giảng viên trong Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT vào thông tư quy định về

điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và bảo đảm điều kiện mở ngành (Thông tư sửa đổi Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT).

3. Giao Thanh tra

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Giáo dục đại học và đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất đưa vào kế hoạch thanh tra các năm tiếp theo nhiệm vụ thanh tra chuyên đề về hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục đại học theo thẩm quyền.

- Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị tại kết luận thanh tra đối với Học viện, tổng hợp kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra để báo cáo Lãnh đạo Bộ GDĐT theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thương (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- Bộ NN&PTNT;
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam (để thực hiện);
- Vụ GDĐH, Vụ TCCB (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTr (H.A.Tuần 9b; được sao, chụp sau khi công khai KLTT).



Nguyễn Đức Cường